TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2018/QĐST-DS	*Mỏ Cày Nam, ngày 01 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 331/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn Đ** - Sinh năm: 1944, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản uỷ quyền ngày 09/10/2018).

1.2/ Bị đơn:

1.2.1) Ông **Ngô Tấn T** - Sinh năm: 1961, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tấn T: Bà **Võ Thị T** - Sinh năm: 1960, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2018).

1.2.2) Bà **Võ Thị T** - Sinh năm: 1960, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Ông Ngô Tấn T và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn Đ số nợ gốc là 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng) và 50.400.000đ (năm mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền lãi; tổng cộng là 610.400.000đ (sáu trăm mười triệu bốn trăm ngàn đồng).

2.2) Kể từ ngày ông Ngô Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Tấn T, bà Võ Thị T chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì ông Ngô Tấn T, bà Võ Thị T phải liên đới chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Ông Ngô Văn Đ nhận chịu 7.104.000đ (bảy triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng ông Đ là người cao tuổi nên ông Đ được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên (7.104.000đồng).

2.3.2. Ông Ngô Tấn T, bà Võ Thị T nhận liên đới chịu 7.104.000đ (bảy triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông T là người có công với cách mạng nên ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần mà ông phải chịu là 3.552.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng); như vậy, ông T, bà T còn phải liên đới nộp 3.552.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên